

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST;

Ngày: 02/02/2021.

V/v Tranh chấp “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Vũ Bình;

Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Trần Văn T**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã , xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/8/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Trọng N trình bày:*

Chị N và anh Trần Văn T tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 25/4/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo cho vợ con, không lo kinh tế gia đình, ăn chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N và anh T đã

sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2016, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa: Chị Nguyễn Trọng N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con: Khi khởi kiện, chị N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nay chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được. Giữ nguyên đối với các yêu cầu còn lại.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Trọng N về việc yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trọng N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trọng N về việc được ly hôn anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị Nguyễn Trọng N và anh Trần Văn T tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm

2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 25/4/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo cho vợ con, không lo kinh tế gia đình, ăn chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến thời điểm hiện tại. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Trọng N và anh Trần Văn T nhưng không xác định được tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T vì anh, chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở;

Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trọng N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trọng N về việc yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến Đ, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi lao động được, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của đương sự thì giữa chị N và anh T có 01 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2016. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N là có cơ sở vì cháu Đ đã sống với chị N từ khi chị N và anh T sống ly thân (tháng 4/2020) cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của cháu Đ đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Trần Tiến Đ cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Tiến Đ mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì anh T là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2021.

Về tài sản chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Trọng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ vào khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trọng N.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Trọng N được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2016 cho chị Nguyễn Trọng N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Đ mỗi tháng 1.000.000đồng, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2021.

Về án phí: Chị Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã tạm nộp theo biên lai số 0004171 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị N đã nộp xong án phí.

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn Trần Văn T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA